

CHƯƠNG ES.

Tóm Tắt Tổng quan (Executive Summary)

Thành phố Boston (sau đây gọi tắt là Thành phố) đã chỉ đạo đơn vị BBC Research & Consulting (Nghiên cứu và Tư vấn BBC - sau đây gọi tắt là BBC) để tiến hành *nghiên cứu về sự khác biệt* để đánh giá liệu có bất cứ rào cản nào gây khó khăn cho các doanh nghiệp do phụ nữ và người thiểu số làm chủ khi cạnh tranh trong đấu thầu cung cấp dịch vụ và sản phẩm cho Thành phố.¹ Thành phố thi hành Chương trình Doanh nghiệp nhỏ ở Địa phương (Small Local Business Enterprise-SLBE) để khuyến khích các doanh nghiệp nhỏ, doanh nghiệp do người thiểu số làm chủ, và doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ tham gia đấu thầu cung cấp cho Thành phố. Để tiến hành, Thành phố sử dụng nhiều *biện pháp trung lập về giới tính và chủng tộc khác nhau*. Trong bối cảnh đấu thầu cung cấp dịch vụ và sản phẩm, các biện pháp trung lập về giới tính và chủng tộc là những biện pháp đã được thiết kế để khuyến khích các doanh nghiệp nhỏ tham gia vào hoạt động đấu thầu của tổ chức chính quyền, bất kể chủng tộc/dân tộc hoặc giới tính của người chủ doanh nghiệp. Ngược với các biện pháp trung lập về giới tính và chủng tộc, các *biện pháp lưu ý đến giới tính và chủng tộc* là những biện pháp được thiết kế đặc biệt để khuyến khích sự tham gia của các doanh nghiệp do phụ nữ và người thiểu số làm chủ tham gia hoạt động đấu thầu cung cấp cho chính quyền. Thành phố hiện nay không sử dụng các biện pháp lưu ý đến giới tính và chủng tộc trong Chương trình SLBE.

Trong nghiên cứu về sự khác biệt, BBC đã đánh giá liệu có sự chênh lệch giữa:

- Tỷ lệ phần trăm khoản ngân sách cho hoạt động đấu thầu cung cấp dịch vụ và sản phẩm mà Thành phố đã trao cho doanh nghiệp do phụ nữ và người thiểu số làm chủ trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 07 năm 2014 đến ngày 30 tháng 06 năm 2019 (tức là chỉ số *sử dụng*); và
- Tỷ lệ phần trăm số tiền dành cho hoạt động đấu thầu cung cấp dịch vụ và sản phẩm mà các doanh nghiệp do phụ nữ và người thiểu số làm chủ có thể được kỳ vọng nhận được dựa trên khả năng sẵn sàng thực hiện các hợp đồng chính và hợp đồng thầu phụ của Thành phố thuộc các loại hình mà quy mô cụ thể (tức là chỉ số *sự hiện hữu*).

BBC cũng đánh giá thông tin định tính và định lượng khác liên quan đến:

- Khung pháp lý liên quan đến chương trình SLBE;
- Điều kiện thị trường địa phương cho các doanh nghiệp do phụ nữ và người thiểu số làm chủ; và

¹ “Các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ” đề cập đến các doanh nghiệp do phụ nữ da trắng không phải gốc người Hispanic làm chủ. Thông tin và kết quả cho các doanh nghiệp do phụ nữ thuộc cộng đồng thiểu số làm chủ được gộp chung vào các nhóm chủng tộc/dân tộc tương ứng của họ.

- Tập quán đấu thầu và các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp mà Thành phố hiện đang có sẵn.

Thành phố có thể sử dụng thông tin từ nghiên cứu này để điều chỉnh công tác thực hiện Chương trình SLBE, bao gồm lập ra một mục tiêu kỳ vọng chung về sự tham gia của các doanh nghiệp do phụ nữ và người thiểu số làm chủ trong hoạt động đấu thầu cung cấp dịch vụ và sản phẩm của Thành phố và xác định biện pháp chương trình nào sẽ được sử dụng để khuyến khích những doanh nghiệp này tham gia. BBC tóm lược các thông tin chính cho Nghiên cứu về Sự khác biệt tại Thành phố Boston 2020 trong năm phần:

- A. Các phân tích trong nghiên cứu về sự khác biệt;
- B. Kết quả phân tích sự hiện hữu;
- C. Kết quả phân tích sự sử dụng;
- D. Kết quả phân tích sự khác biệt; và
- E. Việc thực thi chương trình.

A. Các phân tích trong nghiên cứu về sự khác biệt

Cùng với việc đo lường sự khác biệt giữa sự tham gia và hiện hữu của các doanh nghiệp do phụ nữ và người thiểu số làm chủ cho hoạt động đấu thầu cung cấp dịch vụ và sản phẩm của Thành phố, BBC cũng khảo sát thông tin khác liên quan đến việc thi hành chương trình SLBE của Thành phố.

- Nhóm nghiên cứu đã tiến hành phân tích về các quy định của liên bang, tiểu bang và địa phương; án lệ; và thông tin khác để định hướng phương pháp nghiên cứu về sự khác biệt. Phân tích bao gồm xem xét các yêu cầu pháp lý liên quan đến những chương trình về doanh nghiệp do phụ nữ và người thiểu số làm chủ (xem Chương 2 và Phụ lục B).
- BBC đã tiến hành phân tích định lượng các kết quả cho người thiểu số và phụ nữ và doanh nghiệp do họ làm chủ trong *khu vực thị trường địa lý liên quan (relevant geographic market area-RGMA)*.² Ngoài ra, nhóm nghiên cứu đã thu thập thông tin định tính về các rào cản tiềm tàng mà người thiểu số và phụ nữ và các doanh nghiệp do họ làm chủ phải đối mặt trong thị trường địa phương thông qua các cuộc phỏng vấn sâu, khảo sát qua điện thoại, các cuộc họp cộng đồng và chia sẻ nhận xét bằng văn bản (xem Chương 3, Phụ lục C và Phụ lục D).
- BBC đã phân tích tỷ lệ phần trăm số ngân sách liên quan Thành phố chi trả cho nhà thầu mà các doanh nghiệp do phụ nữ và người thiểu số làm chủ có được. Phân tích đã được dựa trên các khảo sát qua điện thoại mà nhóm nghiên cứu đã thực hiện với gần 800 doanh nghiệp trong các ngành nghề liên quan đến những loại hình hợp đồng cụ thể về xây dựng, thiết kế xây dựng và những dịch vụ chuyên môn khác, dịch vụ hỗ trợ, hàng hóa và vật tư cung ứng mà Thành phố trao cho doanh nghiệp (Xem Chương 5 và Phụ lục E).

² BBC đã xác định khu vực thị trường địa lý liên quan cho nghiên cứu về sự khác biệt là những khu vực quận Norfolk, Suffolk, Plymouth, Middlesex và Essex tại Massachusetts.

- BBC đã phân tích số tiền mà các doanh nghiệp do phụ nữ và người thiểu số làm chủ đã nhận được trong hơn 47.000 hợp đồng xây dựng, thiết kế xây dựng, các dịch vụ chuyên môn khác, dịch vụ hỗ trợ và hàng hóa và vật tư cung ứng mà Thành phố đã trao cho doanh nghiệp trong khoảng thời gian được nghiên cứu (xem Chương 6)
- BBC đã phân tích liệu có sự khác biệt nào giữa việc tham gia và sự hiện hữu của các doanh nghiệp do phụ nữ và người thiểu số làm chủ trong các hợp đồng xây dựng, thiết kế xây dựng, các dịch vụ chuyên môn khác, dịch vụ hỗ trợ và hàng hóa và vật tư cung ứng mà Thành phố đã trao cho doanh nghiệp trong khoảng thời gian được nghiên cứu (xem Chương 7).
- BBC đã xem xét các biện pháp mà Thành phố sử dụng để khuyến khích sự tham gia của các doanh nghiệp do phụ nữ và người thiểu số làm chủ trong hoạt động đấu thầu cũng như các biện pháp mà những tổ chức khác tại và quanh Boston sử dụng. (xem Chương 8).
- BBC đã đưa ra hướng dẫn về các phương án chương trình bổ sung và các thay đổi tiềm tàng cho tập quán đấu thầu hiện tại để Thành phố cân nhắc (xem Chương 9).

B. Kết quả phân tích sự hiện hữu

BBC sử dụng phương pháp *khảo sát tùy chỉnh* để phân tích sự hiện hữu của các doanh nghiệp do phụ nữ và người thiểu số làm chủ cho các hợp đồng thầu chính và hợp đồng thầu phụ cho Thành phố, việc này dựa trên thông tin từ các khảo sát mà nhóm nghiên cứu đã tiến hành với các doanh nghiệp có thể hiện hữu tại RGMA và thông tin về hoạt động đấu thầu cung cấp dịch vụ và sản phẩm mà Thành phố đã trao cho doanh nghiệp trong khoảng thời gian được nghiên cứu. Phương pháp này cho phép BBC phát triển một cơ sở dữ liệu đại diện, trung lập, và có giá trị thống kê về các doanh nghiệp liên quan để ước tính sự hiện hữu của các doanh nghiệp do phụ nữ và người thiểu số làm chủ để làm việc cho Thành phố. BBC trình bày kết quả phân tích về sự hiện hữu để làm việc cho Thành phố một cách tổng thể và cho hoạt động đấu thầu cung cấp dịch vụ và sản phẩm thuộc nhóm phụ khác.

1. Tất cả hoạt động đấu thầu cung cấp dịch vụ và sản phẩm. Hình ES-1 trình bày ước tính về sự hiện hữu tính bằng khoản tiền dollar theo nhóm doanh nghiệp liên quan cho tất cả các hoạt động đấu thầu cung cấp dịch vụ và sản phẩm của Thành phố. Nhìn chung, sự hiện hữu của các doanh nghiệp do phụ nữ và người thiểu số làm chủ để làm cho Thành phố là 16,9%, điều này cho thấy doanh nghiệp do phụ nữ và người thiểu số làm chủ có thể được kỳ vọng nhận được 16,9% số tiền dollar cho hoạt động đấu thầu cung cấp dịch vụ và sản phẩm mà Thành phố trao cho dịch vụ xây dựng, thiết kế xây dựng, dịch vụ chuyên môn khác, dịch vụ hỗ trợ, hàng hóa và vật tư cung ứng khác.

Hình ES-1. Ước tính về sự hiện hữu tổng thể theo nhóm sắc tộc/dân tộc và giới tính

Lưu ý:

Các số được làm tròn đến số thập phân gần nhất của 1% và do đó khi cộng chung có thể không đúng với số tổng cộng.

Để biết thêm chi tiết và kết quả theo nhóm, xem Hình F-2 trong Phụ lục F.

Nhóm doanh nghiệp	Sự hiện hữu (%)
Do phụ nữ da trắng không phải gốc người Hispanic làm chủ	11.2%
Do người Mỹ gốc Á làm chủ	0.7
Do người Mỹ gốc Phi làm chủ	3.6
Do người Mỹ gốc Hispanic	1.2
Do người Mỹ bản địa làm chủ	0.1

Nguồn:
Phân tích về sự hiện hữu của BBC Research & Consulting

Tổng số doanh nghiệp do người thiểu số làm chủ	5.7%
Tổng số doanh nghiệp do phụ nữ và người thiểu số làm chủ	16.9 %

Hình ES-2. Ước tính về sự hiện hữu theo Vai trò hợp đồng thầu

Lưu ý:

Các số được làm tròn đến số thập phân gần nhất của 1% và do đó khi cộng chung có thể không đúng với số tổng cộng.

Để biết thêm chi tiết, xem Hình F-12 và F-13 trong Phụ lục F.

Nguồn:

Phân tích về sự hiện hữu của BBC Research & Consulting

Nhóm doanh nghiệp	Vai trò trong hợp đồng thầu	
	Thầu chính	Thầu phụ
Do phụ nữ da trắng không phải gốc người Hispanic làm chủ	11.4 %	7.9 %
Do người Mỹ gốc Á làm chủ	0.7	2.0
Do người Mỹ gốc Phi làm chủ	3.5	5.6
Do người Mỹ gốc Hispanic	1.1	3.3
Do người Mỹ bản địa làm chủ	0.1	0.5
Tổng số doanh nghiệp do người thiểu số làm chủ	5.4 %	11.3 %
Tổng số doanh nghiệp do phụ nữ và người thiểu số làm chủ	16.8 %	19.2 %

2. Vai trò hợp đồng thầu. Nhiều doanh nghiệp do phụ nữ và người thiểu số làm chủ là doanh nghiệp nhỏ và do đó thường làm việc ở vai trò nhà thầu phụ. Vì khuynh hướng này, sẽ hữu ích khi khảo sát ước tính về sự hiện hữu một cách riêng biệt giữa hợp đồng thầu chính và hợp đồng thầu phụ cho Thành phố. Theo trình bày trong Hình ES-2, sự hiện hữu của các doanh nghiệp do phụ nữ và người thiểu số làm chủ được tính chung ở vai trò nhà thầu phụ của Thành phố hơi cao hơn (19,2%) so với vai trò là nhà thầu chính (16,8%).

3. Ngành nghề. BBC khảo sát kết quả phân tích về sự hiện hữu riêng biệt cho dịch vụ xây dựng, thiết kế xây dựng, dịch vụ chuyên môn khác, dịch vụ hỗ trợ, hoạt động đấu thầu cung cấp dịch vụ và sản phẩm cho Thành phố Theo trình bày trong Hình ES-3, sự hiện hữu của các doanh nghiệp do phụ nữ và người thiểu số làm chủ được tính chung chiếm mức cao nhất trong các hợp đồng cung cấp hàng hóa và vật tư cung ứng cho Thành phố (26,6%) và thấp nhất trong các hợp đồng dịch vụ hỗ trợ (4,8%).

Hình ES-3. Ước tính về sự hiện hữu theo ngành nghề

Nhóm doanh nghiệp	Ngành nghề				
	Xây dựng	Thiết kế xây dựng	Dịch vụ chuyên môn khác	Dịch vụ hỗ trợ	Hàng hóa và vật tư
Do phụ nữ da trắng không phải gốc người Hispanic làm chủ	14.7 %	7.1 %	10.0 %	2.2 %	16.9 %
Do người Mỹ gốc Á làm chủ	1.1	0.7	0.3	0.7	0.1
Do người Mỹ gốc Phi làm chủ	2.6	1.8	9.7	1.3	8.5
Do người Mỹ gốc Hispanic	1.2	3.2	0.1	0.6	0.6
Do người Mỹ bản địa làm chủ	0.1	0.0	0.4	0.0	0.3
Tổng số doanh nghiệp do người thiểu số làm chủ	5.0%	5.7 %	10.5 %	2.6 %	9.6 %
Tổng số doanh nghiệp do phụ nữ và người thiểu số làm chủ	19.7%	12.8%	20.5%	4.8%	26.6%

Lưu ý: Các số được làm tròn đến số thập phân gần nhất của 1% và do đó khi cộng chung có thể không đúng với số tổng cộng.
Để biết thêm chi tiết và kết quả theo nhóm, xem Hình F-5 đến F-9 trong Phụ lục F.

Nguồn: Phân tích về sự hiện hữu của BBC Research & Consulting.

C. Kết quả phân tích sự sử dụng

BBC đo lường sự tham gia của các doanh nghiệp do phụ nữ và người thiểu số làm chủ trong các hoạt động đấu thầu cung cấp dịch vụ và sản phẩm của Thành phố theo tiêu chí *sự sử dụng*-tỷ lệ phần trăm số tiền dollar mà những doanh nghiệp này được trao cho trong các hợp đồng thầu chính và hợp đồng thầu phụ liên quan trong thời gian được nghiên cứu. BBC đo lường sự tham gia của các doanh nghiệp do phụ nữ và người thiểu số làm chủ trong các công việc cho Thành phố bất kể việc họ có được chứng nhận là doanh nghiệp bởi Thành phố hoặc Khu vực Thịnh vượng chung của Massachusetts.

Hình ES-4. Kết quả của tiêu chí sự sử dụng trong hoạt động đấu thầu cung cấp dịch vụ và sản phẩm của Thành phố

Lưu ý:
Các số được làm tròn đến số thập phân gần nhất của 1% và do đó khi cộng chung có thể không đúng với số tổng cộng.

Để biết thêm chi tiết, xem Hình F-2 trong Phụ lục F.

Nguồn:
Phân tích sự sử dụng của BBC Research & Consulting

Do phụ nữ da trắng không phải gốc người Hispanic làm chủ	8.5 %
Do người Mỹ gốc Á làm chủ	1.1
Do người Mỹ gốc Phi làm chủ	0.4
Do người Mỹ gốc Hispanic	0.8
Do người Mỹ bản địa làm chủ	0.1
Tổng số doanh nghiệp do người thiểu số làm chủ	2.5 %
Tổng số doanh nghiệp do phụ nữ và người thiểu số làm chủ	11.0 %

1. Tất cả hoạt động đấu thầu cung cấp dịch vụ và sản phẩm. Hình ES-4 trình bày tỷ lệ phần trăm trong tổng số dollar mà các doanh nghiệp do phụ nữ và người thiểu số làm chủ đã nhận được trong các hợp đồng thầu chính và hợp đồng thầu phụ về xây dựng, thiết kế xây dựng, các dịch vụ chuyên môn khác, dịch vụ hỗ trợ và hàng hóa và vật tư cung ứng liên quan mà

Thành phố đã trao cho doanh nghiệp trong khoảng thời gian được nghiên cứu. Như đã trình bày trong Hình ES-4, các doanh nghiệp do phụ nữ và người thiểu số làm chủ đã nhận được 11,0% trong số dollar chi trả trong hoạt động đấu thầu cung cấp dịch vụ và sản phẩm liên quan mà Thành phố đã trao cho các doanh nghiệp trong khoảng thời gian được nghiên cứu.

2. Vai trò hợp đồng thầu. Hình ES-5 trình bày kết quả phân tích sự sử dụng riêng biệt cho các hợp đồng thầu chính và hợp đồng thầu phụ mà Thành phố đã trao cho các doanh nghiệp trong khoảng thời gian được nghiên cứu. Theo trình bày trong Hình ES-5, sự tham gia nói chung của các doanh nghiệp do phụ nữ và người thiểu số làm chủ ở vai trò nhà thầu phụ của Thành phố hơi cao hơn (12,3%) so với vai trò là nhà thầu chính (10,9%). Trong số nhiều nhân tố khác, kết quả đó có thể là vì thực tế các hợp đồng thầu phụ có xu hướng quy mô nhỏ hơn hợp đồng thầu chính, và do đó các doanh nghiệp do phụ nữ và người thiểu số làm chủ có thể tiếp cận dễ dàng hơn.

**Hình ES-5.
Kết quả phân tích sự sử dụng
theo vai trò hợp đồng thầu**

Lưu ý:

Các số được làm tròn đến số thập phân gần nhất của 1% và do đó khi cộng chung có thể không đúng với số tổng cộng.

Để biết thêm chi tiết, xem Hình F-12 và F-13 trong Phụ lục F.

Hơn 80% số tiền của hợp đồng thầu phụ được khảo sát đã cho thấy có liên quan đến các hợp đồng thầu phụ trong xây dựng.

Nguồn:

Phân tích sự sử dụng của BBC Research & Consulting

Nhóm doanh nghiệp	Vai trò trong hợp đồng thầu	
	Thầu chính	Thầu phụ
Do phụ nữ da trắng không phải gốc người Hispanic làm chủ	8.6 %	6.8 %
Do người Mỹ gốc Á làm chủ	1.0	1.5
Do người Mỹ gốc Phi làm chủ	0.4	1.6
Do người Mỹ gốc Hispanic	0.8	2.4
Do người Mỹ bản địa làm chủ	0.1	0.0
Tổng số doanh nghiệp do người thiểu số làm chủ	2.3 %	5.5 %
Tổng số doanh nghiệp do phụ nữ và người thiểu số làm chủ	10.9 %	12.3 %

3. Ngành nghề. BBC cũng khảo sát một cách riêng biệt kết quả phân tích về sự sử dụng cho hoạt động đấu thầu cung cấp dịch vụ và sản phẩm về xây dựng, thiết kế xây dựng, dịch vụ chuyên môn khác, dịch vụ hỗ trợ, hàng hóa và vật tư cung ứng của Thành phố để xác định liệu sự tham gia của các doanh nghiệp do phụ nữ và người thiểu số trong công tác cho Thành phố có sự khác biệt theo ngành nghề hay không. Theo trình bày trong Hình ES-6, sự tham gia nói chung của các doanh nghiệp do phụ nữ và người thiểu số làm chủ chiếm mức cao nhất trong các hợp đồng cung cấp hàng hóa và vật tư cung ứng cho Thành phố (27,3%) và thấp nhất trong các hợp đồng dịch vụ hỗ trợ (3,2%).

Hình ES-6.

Kết quả phân tích sự sử dụng theo ngành nghề

Nhóm doanh nghiệp	Ngành nghề				
	Xây dựng	Thiết kế xây dựng	Dịch vụ chuyên môn khác	Dịch vụ hỗ trợ	Hàng hóa và vật tư
Do phụ nữ da trắng không phải gốc người Hispanic làm chủ	5.5 %	12.9 %	3.4 %	2.1 %	25.5 %
Do người Mỹ gốc Á làm chủ	0.3	1.1	9.6	0.2	0.5
Do người Mỹ gốc Phi làm chủ	0.4	0.5	0.1	0.5	0.6
Do người Mỹ gốc Hispanic	0.3	3.8	0.5	0.5	0.7
Do người Mỹ bản địa làm chủ	0.3	0.0	0.0	0.0	0.0
Tổng số doanh nghiệp do người thiểu số làm chủ	1.2 %	5.3 %	10.2 %	1.1 %	1.8 %
Tổng số doanh nghiệp do phụ nữ và người thiểu số làm chủ	6.7 %	18.2 %	13.6 %	3.2 %	27.3 %

Lưu ý: Các số được làm tròn đến số thập phân gần nhất của 1% và do đó khi cộng chung có thể không đúng với số tổng cộng.

Để biết thêm chi tiết và kết quả theo nhóm, xem Hình F-5 đến F-9 trong Phụ lục F.

Nguồn: Phân tích sự sử dụng của BBC Research & Consulting

D. Kết quả phân tích sự khác biệt

Mặc dù thông tin về sự tham gia của các doanh nghiệp do phụ nữ và người thiểu số làm chủ trong hoạt động đấu thầu cung cấp dịch vụ và sản phẩm cho Thành phố có sự hữu ích riêng của nó, thông tin đó càng hữu ích hơn khi được đối chiếu với mức độ tham gia mà một người có thể kỳ vọng dựa trên việc họ sẵn sàng để làm công việc đó. Trong phân tích về sự khác biệt, BBC so sánh sự tham gia của các doanh nghiệp do phụ nữ và người thiểu số làm chủ trong các hợp đồng thầu chính và hợp đồng thầu phụ của Thành phố với tỷ lệ phần trăm số tiền trả cho hợp đồng thầu mà những doanh nghiệp này có thể kỳ vọng nhận được dựa trên việc họ sẵn sàng cho công việc đó. BBC đã tính toán các *chỉ số sự khác biệt* cho từng nhóm doanh nghiệp liên quan và cho nhiều nhóm hợp đồng thầu khác nhau bằng cách chia phần trăm của sự sử dụng cho phần trăm của sự hiện hữu rồi nhân kết quả đó cho 100. Chỉ số sự khác biệt là 100 cho thấy một sự phù hợp chính xác giữa sự tham gia và sự hiện hữu của một nhóm cụ thể cho bộ hợp đồng thầu cụ thể (được đề cập đến như là sự *tương ứng*). Chỉ số sự khác biệt nhỏ hơn 100 cho thấy một sự khác biệt giữa sự tham gia và sự hiện hữu. Chỉ số sự khác biệt nhỏ hơn 80 cho thấy một sự khác biệt *lớn* giữa sự tham gia và sự hiện hữu.

1. Tất cả hoạt động đấu thầu cung cấp dịch vụ và sản phẩm. Hình ES-7 trình bày chỉ số về sự khác biệt cho tất cả các hợp đồng thầu chính và hợp đồng thầu phụ mà Thành phố đã trao cho các doanh nghiệp trong khoảng thời gian được nghiên cứu. Đường thẳng đi xuống giữa đồ thị thể hiện mức chỉ số về sự khác biệt là 100, trong đó cho thấy có sự tương ứng giữa sự tham gia và sự hiện hữu. Một đường thẳng cũng ở mức chỉ số sự khác biệt là 80 cho thấy một sự khác biệt lớn. Như đã trình bày trong Hình ES-7, nhìn chung các doanh nghiệp do phụ nữ và người thiểu số làm chủ đã cho thấy một chỉ số sự khác biệt là 65 cho hoạt động đấu thầu cung

cấp dịch vụ và sản phẩm mà Thành phố đã trao cho các doanh nghiệp trong khoảng thời gian được nghiên cứu, điều này cho thấy sự sử dụng thấp đáng kể. Tất cả các nhóm doanh nghiệp cá thể cho thấy có sự khác biệt lớn đối với tất cả các hoạt động đấu thầu cung cấp dịch vụ và sản phẩm của thành phố nói chung ngoại trừ các doanh nghiệp của người Mỹ gốc Á (chỉ số sự khác biệt là 141) và các doanh nghiệp của Người Mỹ Bản địa (chỉ số sự khác biệt là 100).

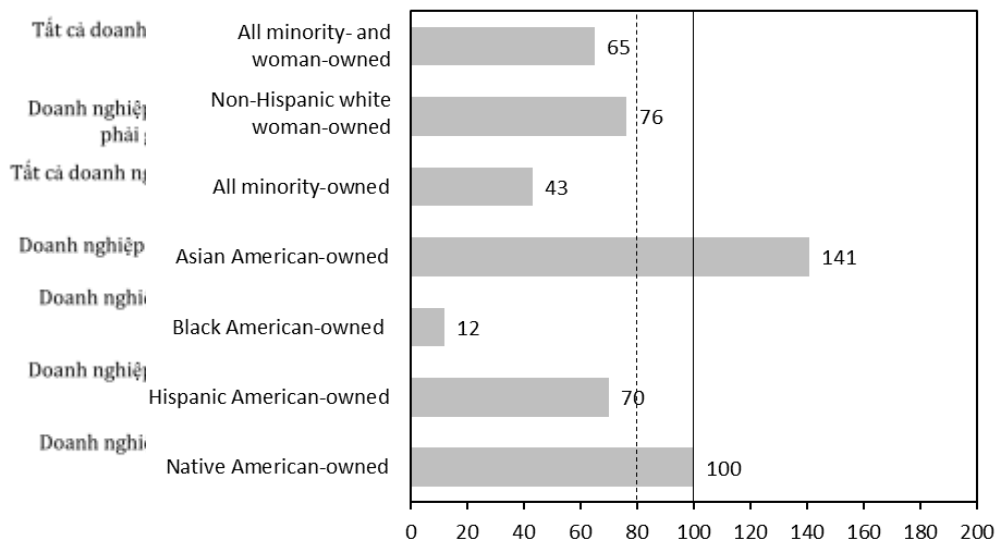
**Hình ES-7.
Kết quả phân tích sự khác biệt trong tất cả hoạt động đấu thầu cung cấp dịch vụ và sản phẩm của Thành phố**

Lưu ý:

Các số được làm tròn đến số thập phân gần nhất của 1% và do đó khi cộng chung có thể không đúng với số tổng cộng. Để biết thêm chi tiết, xem Hình F-2 trong Phụ lục F.

Nguồn:

Phân tích về sự khác biệt của BBC Research & Consulting.



2. Vai trò hợp đồng thầu. BBC đã khảo sát riêng các kết quả phân tích sự khác biệt đối với hợp đồng thầu chính và hợp đồng thầu phụ. Như đã trình bày trong Hình ES-8, nhìn chung các doanh nghiệp do phụ nữ và người thiểu số làm chủ đã cho thấy sự khác biệt lớn đáng kể đối với cả hợp đồng thầu chính (chỉ số sự khác biệt là 65) và hợp đồng thầu phụ của Thành phố (chỉ số sự khác biệt là 64). Tất cả các nhóm doanh nghiệp cá thể cho thấy có sự khác biệt đáng kể đối với tất cả các hợp đồng thầu chính ngoại trừ các doanh nghiệp của người Mỹ gốc Á (chỉ số sự khác biệt là 149) và các doanh nghiệp của Người Mỹ Bản địa (chỉ số sự khác biệt là 122). Tất cả các nhóm doanh nghiệp cá thể cho thấy có sự khác biệt đáng kể đối với tất cả các hợp đồng thầu phụ ngoại trừ các doanh nghiệp của phụ nữ da trắng không phải gốc người Hispanic (chỉ số sự khác biệt là 86). Chỉ số sự khác biệt là 86 cho thấy có một sự khác biệt, mặc dù điều đó không đáng kể.

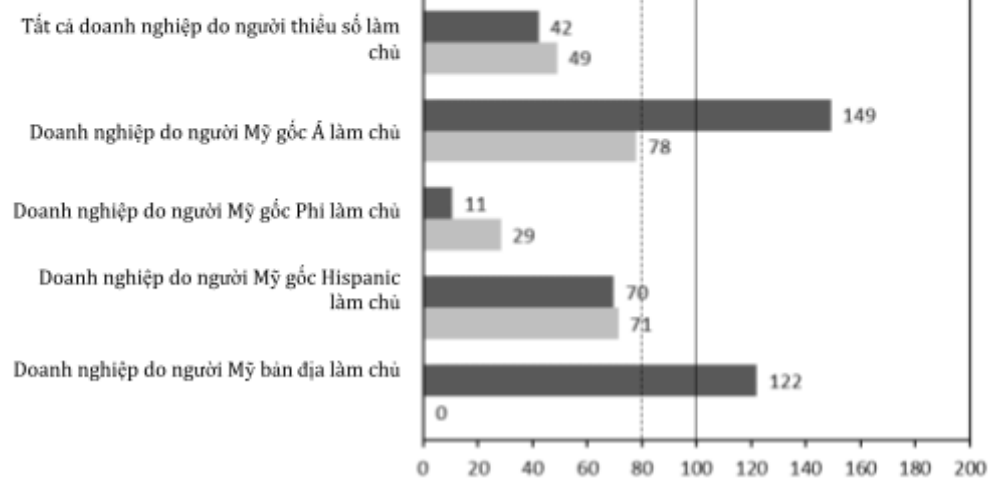
**Hình ES-8.
Kết quả phân tích sự khác biệt theo vai trò hợp đồng thầu**

Lưu ý:

Các số được làm tròn đến số thập phân gần nhất của 1% và do đó khi cộng chung có thể không đúng với số tổng cộng. Để biết thêm chi tiết và kết quả theo nhóm, xem Hình F-12 và F-13 trong Phụ lục F.

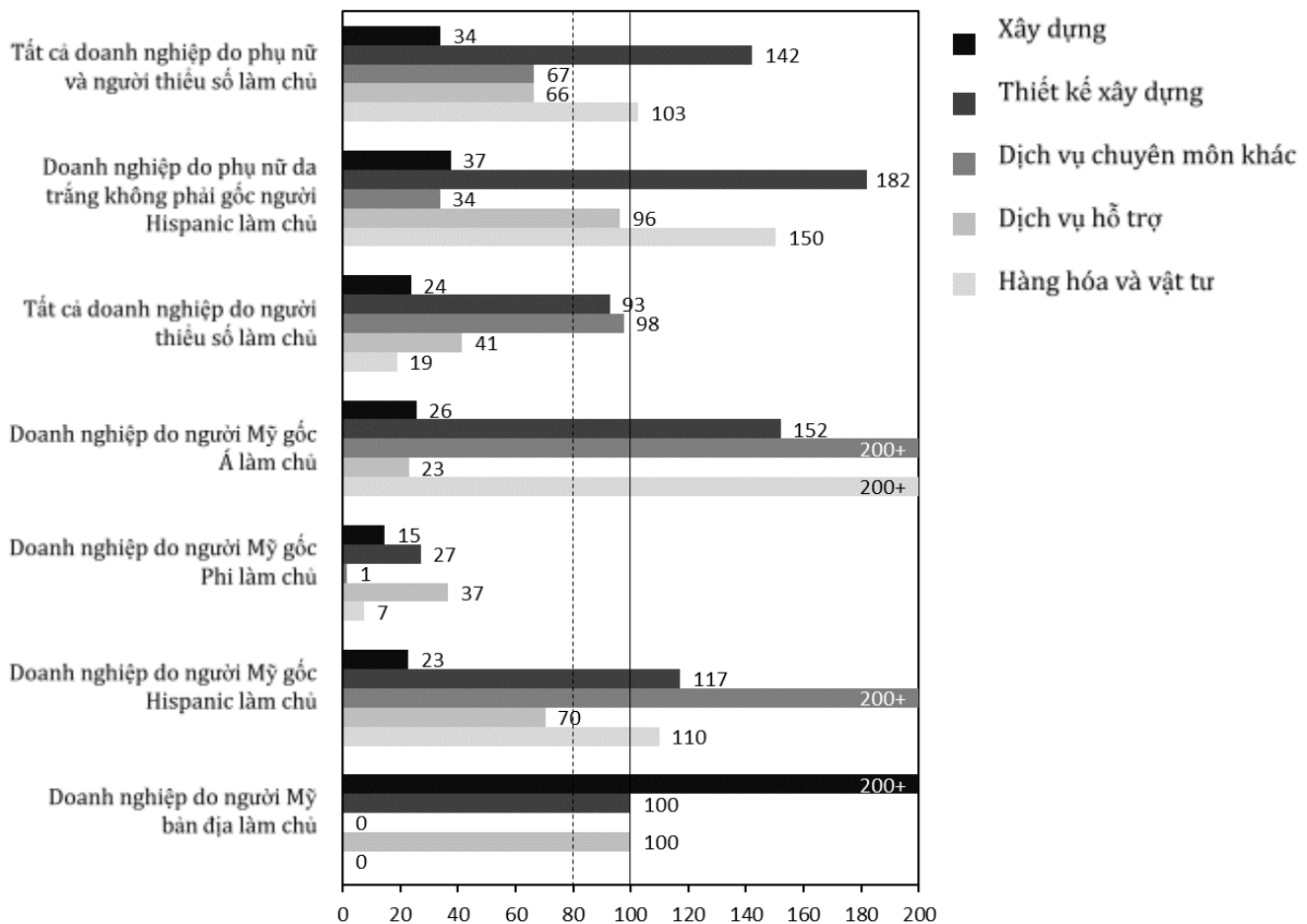
Nguồn:

Phân tích về sự khác biệt của
BBC Research & Consulting.



3. Ngành nghề. BBC cũng khảo sát một cách riêng biệt các kết quả phân tích về sự khác biệt trong các hoạt động đấu thầu cung cấp dịch vụ và sản phẩm về xây dựng, thiết kế xây dựng, dịch vụ chuyên môn khác, dịch vụ hỗ trợ, hàng hóa và vật tư cung ứng của Thành phố để xác định liệu giữa sự tham gia và sự hiện hữu có khác biệt theo loại hình công việc hay không. Như đã trình bày trong Hình ES-9, nhìn chung các doanh nghiệp do phụ nữ và người thiểu số làm chủ đã cho thấy sự khác biệt đáng kể đối với hợp đồng xây dựng (chỉ số sự khác biệt là 43); các dịch vụ chuyên môn khác (chỉ số sự khác biệt là 67); và dịch vụ hỗ trợ (chỉ số sự khác biệt là 66). Mặc dù các kết quả cuối cho các nhóm doanh nghiệp riêng khác nhau theo loại hình công việc, tất cả các nhóm riêng cho thấy có sự khác biệt đáng kể trong phạm trù hợp đồng xây dựng ngoại trừ các doanh nghiệp do người Mỹ Bản địa làm chủ (chỉ số sự khác biệt là 200+). Các doanh nghiệp do người Mỹ gốc phi làm chủ đã thể hiện có sự khác biệt đáng kể trong tất cả các loại hình công việc.

Hình ES-9.
Kết quả phân tích sự khác biệt theo ngành nghề



Lưu ý: Các số được làm tròn đến số thập phân gần nhất của 1% và do đó khi cộng chung có thể không đúng với số tổng cộng.

Để biết thêm chi tiết và kết quả theo nhóm, xem F-5 đến F-9 trong Phụ lục F.

Nguồn: Phân tích về sự khác biệt của BBC Research & Consulting.

E. Việc thực thi chương trình

Thành phố nên xem xét lại các kết quả nghiên cứu và thông tin liên quan khác để liên hệ với việc ra quyết định về thực thi chương trình SLBE. Dưới đây là phần thảo luận về các cân nhắc chính khi đưa ra điều chỉnh. Các cân nhắc thêm và chi tiết về việc thực thi chương trình được trình bày trong Chương 9. Khi cân nhắc, Thành phố nên đánh giá liệu có thể phải cần đến các nguồn tài nguyên khác, sự thay đổi ở chính sách nội bộ, hoặc sự thay đổi trong luật pháp của địa phương hoặc tiểu bang hay không.

1. Mục tiêu kỳ vọng chung. Kết quả từ nghiên cứu về sự khác biệt—nhất là phân tích về sự hiện hữu, phân tích điều kiện thị trường, và bằng chứng không chính thức—có thể giúp Thành phố lập ra một mục tiêu kỳ vọng chung cho sự tham gia của các doanh nghiệp do phụ nữ và người thiểu số làm chủ trong hoạt động đấu thầu cung cấp dịch vụ và sản phẩm cho thành phố. Phân tích sự hiện hữu cho thấy các doanh nghiệp do phụ nữ và người thiểu số làm chủ có thể được kỳ vọng tiếp nhận 16,9% khoản tiền cho hoạt động đấu thầu cung cấp dịch vụ và sản phẩm của Thành phố, Thành phố có thể xem xét con số này như một *con số cơ sở* cho mục tiêu kỳ vọng chung. Ngoài ra, nghiên cứu về sự khác biệt cung cấp thông tin về các yếu tố mà Thành phố nên xem xét khi cân nhắc có nên điều chỉnh con số cơ sở của thành phố hay không, đặc biệt là thông tin về lượng công việc của Thành phố mà các doanh nghiệp do phụ nữ và người thiểu số làm chủ đã tham gia trong quá khứ; các rào cản tại khu vực Boston liên quan đến việc làm, lao động tự do, giáo dục, huấn luyện và các nghiệp đoàn; các rào cản tại Boston liên quan đến việc tài trợ, bảo lãnh, và bảo hiểm; và những thông tin liên quan khác.

2. Các mục tiêu riêng về hợp đồng thầu. Kết quả phân tích sự khác biệt cho thấy các nhóm giới tính và sắc tộc/ dân tộc có liên quan nhất—các doanh nghiệp do Người Mỹ gốc Á, Người Mỹ gốc Phi, Người Mỹ gốc Hispanic và phụ nữ da trắng không phải gốc người Hispanic làm chủ—thể hiện sự khác biệt đáng kể về các nhóm đấu thầu cung cấp dịch vụ và sản phẩm chính mà Thành phố trao cho doanh nghiệp trong thời gian được nghiên cứu. Vì Thành phố sử dụng nhiều biện pháp trung lập về giới tính và chủng tộc để khuyến khích sự tham gia của các doanh nghiệp do phụ nữ và người thiểu số làm chủ trong hoạt động đấu thầu, và vì những biện pháp này không giải quyết hoàn toàn sự khác biệt đối với những doanh nghiệp đó, Thành phố có thể cân nhắc việc sử dụng các mục tiêu về doanh nghiệp do phụ nữ và người thiểu số làm chủ khi trao từng hợp đồng thầu. Để làm được điều đó, Thành phố sẽ lập ra các mục tiêu tham gia cho từng hợp đồng thầu dựa trên sự hiện hữu của các doanh nghiệp do phụ nữ và người thiểu số làm chủ trong các loại hình công việc có tính chất dự án và các yếu tố khác, và, điều kiện để được trao hợp đồng thầu, nhà thầu chính nên đáp ứng được những mục tiêu này bằng cách cam kết thuê các nhà thầu phụ là những doanh nghiệp được chứng nhận do phụ nữ và người thiểu số làm chủ trong hồ sơ dự thầu của họ hoặc bằng cách thể hiện nỗ lực đủ thiện ý để làm điều đó. Thành phố có thể cân nhắc việc lập ra các mục tiêu tham gia trong tất cả các hoạt động đấu thầu cung cấp dịch vụ và sản phẩm liên quan hoặc chỉ trong những loại hình hợp đồng thầu cụ thể (ví dụ: hợp đồng xây dựng, loại hình công việc chiếm gần một nửa chi tiêu của Thành phố). Vì việc sử dụng các mục tiêu như vậy sẽ được xem làm một biện pháp lưu ý đến giới tính và chủng tộc, Thành phố sẽ cần phải bảo đảm việc sử dụng các biện pháp đó đáp ứng được tiêu chuẩn giám sát nghiêm ngặt của việc thẩm định tính hợp hiến.

3. Chính sách về hoạt động đấu thầu thu mua. Luật pháp tiểu bang và địa phương trao cho Thành phố quyền lực để thiết lập các chính sách thu mua chi tiết hơn so với những quy định được nêu trong Chương 30B Luật Tổng quát của Massachusetts, và các chính sách thu mua nâng cao có thể giúp Thành phố thu hút một cách hiệu quả hơn, và khuyến khích sự tham gia của các doanh nghiệp do phụ nữ và người thiểu số làm chủ trong hoạt động đấu thầu. Thành phố nên cân nhắc phát triển hướng dẫn riêng của mình về hoạt động đấu thầu thu mua trên toàn thành phố nhằm bảo đảm tất cả các phòng ban sử dụng chính sách đấu thầu thu mua nhất quán và tích cực thu hút sự tham gia của cộng đồng doanh nghiệp địa phương. Hướng dẫn đấu thầu thu mua nên lồng ghép các chính sách được nêu trong Chương 30B, và khi thích hợp, các yêu cầu bổ sung mà có thể khuyến khích sự tham gia của các doanh nghiệp nhỏ, bao gồm nhiều doanh nghiệp do phụ nữ và người thiểu số làm chủ. Có một số chính sách đấu thầu thu mua mà Thành phố nên cân nhắc xem xét.

- **Các vụ thu mua quy mô nhỏ.** Các vụ thu mua quy mô nhỏ thích hợp nhất cho các doanh nghiệp nhỏ nhưng thông thường các doanh nghiệp đó khó có thể biết về các vụ thu mua này. Thành phố có quyền lập ra các chính sách đấu thầu thu mua quy mô nhỏ chi tiết hơn so với quy định nêu trong Chương 30B và nên cân nhắc làm việc này để khuyến khích các doanh nghiệp nhỏ tham gia vào hoạt động đấu thầu dịch vụ và sản phẩm cho Thành phố.
- **Số lượng tối thiểu các lời mời báo giá.** Chương 30B quy định rằng các cơ quan chính quyền địa phương phải yêu cầu tối thiểu là ba lời mời báo giá cho các vụ thu mua dịch vụ và sản phẩm trị giá tối thiểu là \$10,000 và tối đa là \$50,000. Thành phố có thể cân nhắc việc gia tăng số lượng báo giá tối thiểu mà nhân viên Thành phố phải mời cho các vụ mua sắm có quy mô như vậy.
- **Quảng bá và tiếp cận đến cộng đồng.** Chương 30B yêu cầu phải có mức độ quảng bá tối thiểu cho các cơ hội đấu thầu, chẳng hạn như niêm yết các cơ hội đó hai tuần trước ngày mở thầu. Ngoài những yêu cầu đó, Thành phố cho phép từng phòng ban riêng được quyết định tiếp cận cộng đồng đến mức độ nào là thích hợp cho các hàng hóa và dịch vụ họ cần. Thành phố có thể lập ra các yêu cầu thêm về việc quảng bá và tiếp cận đến cộng đồng cho các loại hình đấu thầu cụ thể.
- **Ngôn ngữ của Hồ sơ mời thầu (RFP).** Thành phố nên cân nhắc bổ sung ngôn ngữ mạnh mẽ hơn cho RFP và tài liệu đấu thầu để thể hiện hiệu quả hơn cam kết của thành phố đối với việc thúc đẩy sự công bằng trong hoạt động đấu thầu.
- **Hợp đồng dành riêng cho Doanh nghiệp Nhỏ.** Kết quả phân tích sự khác biệt cho thấy có sự khác biệt đáng kể đối với các doanh nghiệp do phụ nữ, người Mỹ gốc Phi, Người Mỹ gốc Hispanic làm chủ trong các hợp đồng thầu chính mà Thành phố đã trao cho các doanh nghiệp trong khoảng thời gian được nghiên cứu. Trong phạm vi được luật pháp tiểu bang và địa phương cho phép, Thành phố có thể cân nhắc việc dành riêng ra các hợp đồng chính quy mô nhỏ cho các doanh nghiệp nhỏ đấu thầu nhằm khuyến khích sự tham gia của doanh nghiệp do phụ nữ và người thiểu số làm chủ ở vai trò nhà thầu chính.
- **Chia nhỏ các hợp đồng lớn.** Thành phố nên cân nhắc những biện pháp để chia nhỏ các hợp đồng chính tương đối lớn, và kể cả hợp đồng thầu phụ, thành những nhiều hợp đồng nhỏ hơn. Những biện pháp đó có thể gia tăng cơ hội đấu thầu cho tất cả các doanh nghiệp nhỏ, kể cả nhiều doanh nghiệp do phụ nữ và người thiểu số làm chủ.

- **Thanh toán đúng hạn.** Thành phố nên cân nhắc lập ra các quy trình thanh toán đúng hạn nhằm bảo đảm việc thanh toán cho nhà thầu chính trong thời hạn số ngày tối đa quy định sau khi nhận được hóa đơn yêu cầu thanh toán. Thành phố cũng nên cân nhắc bao gồm các yêu cầu thanh toán đúng hạn cho hợp đồng thầu phụ trong tất cả các hợp đồng thầu của thành phố.

Để biết thêm thông tin về các chính sách đấu thầu cụ thể, xem Chương 9.

4. Văn phòng SLBE. Một số cân nhắc trên đây có thể đòi hỏi phải gia tăng nhân sự SLBE nhằm thực thi hiệu quả các điều chỉnh chính sách đấu thầu và các biện pháp của chương trình. Cụ thể, nếu Thành phố bắt đầu sử dụng các mục tiêu riêng về hợp đồng thầu để trao các hợp đồng riêng biệt, SLBE có thể cân nhắc tuyển dụng thêm nhân viên để giúp lập mục tiêu và phối hợp với Phòng ban đấu thầu giám sát việc nhà thầu chính có tuân thủ việc thực hiện các mục tiêu này. Những nhân viên thêm này cũng sẽ có thể giúp SLBE tiếp tục điều hành các mặt khác của chương trình SLBE bao gồm việc cấp chứng nhận SLBE, các hội thảo phát triển doanh nghiệp và các nỗ lực tiếp cận cộng đồng.

5. Nâng cao năng lực. Kết quả từ nghiên cứu về sự khác biệt cho thấy có nhiều doanh nghiệp do phụ nữ và người thiểu số làm chủ tại khu vực Boston nhưng nhiều doanh nghiệp trong số đó có năng lực tương đối thấp để tiếp nhận các công việc của Thành phố. Thành phố nên cân nhắc tổ chức các chương trình hỗ trợ kỹ thuật, phát triển doanh nghiệp, cố vấn và các chương trình liên doanh để giúp doanh nghiệp nâng cao năng lực cần thiết để cạnh tranh cho các hợp đồng đấu thầu cung cấp dịch vụ và sản phẩm tương đối lớn cho Thành phố.

6. Thu thập Dữ liệu. Thành phố nên cân nhắc thu thập dữ liệu toàn diện về các nhà thầu phụ, bất kể tính chất của nhà thầu phụ hoặc liệu họ có được chứng nhận là doanh nghiệp do người thiểu số làm chủ (MBE) hoặc doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ (WBE) cho tất cả hợp đồng thầu chính liên quan. Thu thập dữ liệu nhà thầu phụ trong các hợp đồng liên quan sẽ giúp bảo đảm Thành phố giám sát được sự tham gia của các doanh nghiệp do phụ nữ và người thiểu số làm chủ trong công tác của thành phố một cách chính xác nhất có thể, xác định được thêm các doanh nghiệp có thể được chứng nhận, và xác định các cơ hội nhận hợp đồng thầu phụ trong tương lai cho các doanh nghiệp do phụ nữ và người thiểu số làm chủ.

7. Đặt giới hạn tối thiểu cho hợp đồng thầu phụ. Các hợp đồng thầu phụ thường mang lại các cơ hội tiếp cận dễ dàng cho các doanh nghiệp nhỏ, bao gồm nhiều doanh nghiệp do phụ nữ và người thiểu số làm chủ để họ được tham gia vào hoạt động đấu thầu cung cấp dịch vụ và sản phẩm của một tổ chức. Tuy nhiên, công việc thầu phụ chiếm một tỷ lệ phần trăm tương đối nhỏ trong tổng khoản ngân sách cho đấu thầu dịch vụ và sản phẩm mà Thành phố trao cho doanh nghiệp. Thành phố có thể cân nhắc thi hành một chương trình trong đó đòi hỏi nhà thầu chính phải chia cho thầu phụ một lượng công việc tối thiểu trong dự án. Nếu Thành phố phải thi hành một chương trình như vậy, Thành phố nên bao gồm các điều khoản về nỗ lực có thiện chí trong đó đòi hỏi nhà thầu chính phải lập hồ sơ ghi chép lại những nỗ lực của họ để tìm và đưa các nhà thầu phụ tiềm năng vào trong hồ sơ thầu hoặc hồ sơ đấu thầu của họ.

8. Sử dụng các doanh nghiệp khác nhau. Nghiên cứu về sự khác biệt đã cho thấy một phần đáng kể khoản ngân sách cho hoạt động đấu thầu cung cấp dịch vụ và sản phẩm của

Thành phố đã được trao cho các doanh nghiệp do phụ nữ và người thiểu số làm chủ đã tập trung chủ yếu vào một vài doanh nghiệp. Thành phố có thể cân nhắc việc khuyến khích các phòng ban mời các nhà cung cấp dịch vụ và sản phẩm mà họ chưa từng làm việc cùng trước đó, và sử dụng đấu thầu và ngôn ngữ hợp đồng để khuyến khích các nhà thầu chính làm điều tương tự với các nhà thầu phụ.

9. Chứng nhận đơn vị dự thầu. Luật pháp tiểu bang quy định rằng các nhà cung cấp chính tham gia đấu thầu các hợp đồng xây dựng có trị giá hơn \$100,000 phải nộp đơn chứng nhận đơn vị dự thầu thông qua Ban Quản lý và Bảo trì Tài sản Vốn của Khu vực Thịnh vượng chung (Division of Capital Asset Management and Maintenance-DCAMM). Các nhà thầu phụ nhận được hơn khối lượng công việc trị giá hơn \$25,000 trong hợp đồng xây dựng thuộc quy mô đó cũng phải nộp đơn xin chứng nhận của DCAMM. Bằng chứng không chính thức cho thấy quy trình chứng nhận đơn vị dự thầu là một rào cản cho nhiều doanh nghiệp nhỏ. Thành phố nên cân nhắc các cách để giảm bớt các khía cạnh cồng kềnh của việc chứng nhận đơn vị dự thầu để khuyến khích sự tham gia của các doanh nghiệp nhỏ, bao gồm doanh nghiệp do phụ nữ và người thiểu số làm chủ, trong các hợp đồng xây dựng của thành phố.

10. Hỗ trợ bảo lãnh. Chương 30B đòi hỏi phải có đặt cọc dự thầu và bảo lãnh cho nhiều loại hình đấu thầu, bao gồm các dự án xây dựng tương đối nhỏ có giá trị hơn \$25,000. Các dự án có quy mô đó tương đối dễ tiếp cận đối với các doanh nghiệp nhỏ nhưng các yêu cầu về đặt cọc dự thầu và bảo lãnh có thể đặt ra một rào cản đáng kể cho các doanh nghiệp nhỏ. Thành phố nên cân nhắc việc hỗ trợ đặt cọc dự thầu và bảo lãnh cho các doanh nghiệp nhỏ đang theo đuổi cơ hội làm việc cho Thành phố. Thành phố có thể hợp tác với các tổ chức địa phương mà đã thiết lập các chương trình cho vay và bảo lãnh để các doanh nghiệp nhỏ dễ tiếp cận chương trình hỗ trợ bảo lãnh khi đấu thầu hợp đồng cung cấp cho Thành phố. Mặt khác, Thành phố nên thành lập chương trình hỗ trợ đặt cọc dự thầu và bảo lãnh thuộc Chương trình SLBE.